

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ GIỚI NINH BÌNH

GIÁO TRÌNH

MÔN HỌC: KINH TẾ CHÍNH TRỊ

NGHỀ: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-... ngày.....tháng....năm
..... của.....

Ninh Bình, năm 2018

TaiLieu.vn

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

LỜI GIỚI THIỆU

Nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng học tập lý luận Mác – Lênin phù hợp với đối tượng là sinh viên các trường dạy nghề. Trường Cao đẳng nghề Cơ giới Ninh Bình tổ chức biên soạn tập tài liệu môn học “Kinh tế chính trị”. Tập sách này được biên soạn dựa trên cơ sở “Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin” của Bộ giáo dục và Đào tạo (Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006)

Tập tài liệu này chủ yếu đi sâu những nội dung cần thiết làm cơ sở thuận lợi cho sinh viên đi vào nghiên cứu ngành kinh tế cụ thể, không đề cập lại những vấn đề kinh tế đã được nêu ở tập sách Chính trị mà các em đã được học.

Môn học “Kinh tế chính trị” gồm 8 chương do tập thể giáo viên thuộc tổ bộ môn Chính trị, Trường Cao đẳng nghề Cơ giới Ninh Bình biên soạn:

Chương 1: Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển kinh tế chính trị.

Chương 2: Sản xuất hàng hóa và các quy luật sản xuất hàng hóa.

Chương 3: Tái sản xuất xã hội

Chương 4: Tái sản xuất vốn, giá thành, tiền lương và lợi nhuận trong DN

Chương 5: Nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa ở VN

Chương 6: Cơ cấu thành phần kinh tế và xu hướng vận động cơ bản của nền kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Chương 7: Xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Chương 8: Cơ chế kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Trong quá trình biên soạn không tránh khỏi những sai sót, rất mong nhận được những ý kiến đóng góp xây dựng của bạn đọc.

Xin chân thành cảm ơn!

Ninh Bình, Ngày 04 tháng 6 năm 2018

Tham gia biên soạn

1. Trần Thị Thúy
2. Đào Thị Thủy
3. Phạm Thị Thu Hiền

MỤC LỤC

TRANG

Lời giới thiệu	2
Chương 1: Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển Kinh tế chính trị	8
1. Những tư tưởng kinh tế chủ yếu trong thời cổ đại và trung cổ - cơ sở cho sự ra đời kinh tế chính trị học	8
1.1. Tư tưởng kinh tế thời cổ đại	8
1.2. Tư tưởng kinh tế thời trung cổ	10
2. Sự phát sinh phát triển kinh tế chính trị học tư sản cổ điển	12
2.1. Chủ nghĩa trọng thương.....	12
2.2. Kinh tế chính trị tư sản cổ điển Pháp	14
2.3. Kinh tế chính trị cổ điển Anh	16
3. Những khuynh hướng và học thuyết kinh tế phê phán có kế thừa kinh tế chính trị học tư sản cổ điển.....	25
3.1. Những khuynh hướng và học thuyết phê phán và kế thừa thiếu triệt để... ..	25
3.2. Kinh tế chính trị học Mác- Lênin- học thuyết kinh tế kế thừa, phát triển có phê phán kinh tế chính trị tư sản cổ điển.....	29
4. Một số trường phái kinh tế chính trị học tư sản hiện đại.....	33
4.1. Trường phái “Tân cổ điển”	33

4.2. Học thuyết kinh tế của J.Kênxơ.....	34
4.3. Trường phái chủ nghĩa tự do mới.....	36
4.4. Lý thuyết kinh tế của trường phái chính hiện đại.....	37
4.5. Các lý thuyết về phát triển kinh tế đối với các nước chậm phát triển.....	39
Chương 2: Sản xuất hàng hoá và các quy luật sản xuất hàng hoá.....	41
1. Sản xuất hàng hoá và điều kiện ra đời của nó.....	42
1.1. Sản xuất tự cấp, tự túc và sản xuất hàng hoá.....	42
1.2. Hai điều kiện ra đời của nền kinh tế hàng hoá.....	43
1.3. Ưu thế của kinh tế hàng hoá so với kinh tế tự nhiên.....	44
2. Hàng hoá.....	44
2.1. Hàng hoá và 2 thuộc tính của nó.....	44
2.2. Tính chất 2 mặt của lao động sản xuất hàng hoá.....	47
2.3. Lượng giá trị của hàng hoá.....	48
3. Tiền.....	50
3.1. Nguồn gốc (lịch sử ra đời và bản chất của tiền tệ).....	50
3.2. Chức năng của tiền tệ.....	52
3.3. Quy luật lưu thông tiền tệ và lạm phát.....	54
4. Thị trường và quy luật cung cầu.....	55
4.1. Thị trường.....	55
4.2. Quy luật cung- cầu.....	56
5. Quy luật cạnh tranh.....	58
6. Quy luật giá trị.....	58

Chương 3: Tái sản xuất xã hội.....	61
1. Các phạm trù của tái sản xuất.....	61
1.1. Khái niệm tái sản xuất.....	61
1.2. Các khâu của quá trình tái sản xuất.....	62
1.3. Những nội dung chủ yếu của tái sản xuất.....	63
2. Các quy luật kinh tế của tái sản xuất xã hội.....	64
2.1. Quy luật thực hiện tổng sản phẩm xã hội trong tái sản xuất xã hội.....	64
2.2. Quy luật về tiến bộ khoa học kỹ thuật.....	69
2.3. Quy luật về phân phối trong tái sản xuất xã hội.....	71
2.4. Quy luật tích lũy.....	73
3. Tăng trưởng kinh tế.....	76
3.1. Khái niệm.....	76
3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế.....	77
3.3. Phát triển kinh tế.....	78
3.4. Tiến bộ xã hội.....	79
Chương 4: Tái sản xuất vốn, giá thành, tiền lương và lợi nhuận trong doanh nghiệp.....	81
1. Tuần hoàn và chu chuyển vốn.....	81
1.1. Vốn trong doanh nghiệp.....	81
1.2. Tuần hoàn vốn.....	82
1.3. Chu chuyển vốn.....	83
2. Giá thành sản phẩm.....	85
3. Tiền lương.....	86

3.1.	Bản	chất	của	tiền	86					
lương.....										
3.2.	Các	hình	thức	cơ	bản	của	tiền	86		
lương.....										
3.3.	Những	nhân	tố	ảnh	hưởng	đến	tiền	87		
lương.....										
4.	Lợi	nhuận,	các	hình	thái	vốn	và	các	thu	88
nhập.....										
4.1.	Lợi							88		
nhuận.....										
4.2.	Các	hình	thái	vốn	và	thu	nhập	của	88	
nó.....										
Chương 5: Nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ										95
nghĩa.....										
1. Thực trạng và vai trò của nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện										95
nay.....										
1.1. Thực trạng nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện										95
nay.....										
1.2. Vai trò của kinh tế thị trường và sự cần thiết hình thành, phát triển										97
kinh tế thị trường ở nước ta.....										
2. Nội dung và xu hướng vận động của kinh tế thị trường ở nước										98
ta.....										
2.1. Nền kinh tế thị trường dựa trên cơ sở nhiều thành phần kinh tế,										99
trong đó kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo.....										
2.2. Nền kinh tế thị trường nước ta thực hiện nhiều hình thức phân phối										99
thu nhập, trong đó phân phối theo lao động là chủ yếu.....										
2.3. Nền kinh tế thị trường phát triển theo cơ cấu kinh tế “mở cửa” với										100
bên ngoài.....										
2.4. Nền kinh tế thị trường nước ta phát triển theo định hướng xã hội										100
chủ nghĩa được bảo đảm bằng vai trò chủ đạo của kinh tế Nhà nước và										
vai trò quản lý vĩ mô của Nhà nước.....										
3. Điều kiện, khả năng và giải pháp phát triển kinh tế thị trường định										102
hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.....										
3.1. Điều kiện và khả năng phát triển kinh tế thị trường ở nước										102
ta.....										
3.2. Những giải pháp phát triển kinh tế thị trường ở nước										103
ta.....										

Chương 6: Cơ cấu thành phần kinh tế và xu hướng vận động cơ bản của nền kinh tế trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội.....	107
1. Cơ cấu thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.....	108
1.1. Chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất và thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ.....	108
1.2. Cơ sở khách quan và lợi ích kinh tế của sự tồn tại nhiều thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ ở nước ta.....	109
1.3. Các thành phần kinh tế và việc sử dụng chúng ở nước ta.....	111
1.4. Tính thống nhất và mâu thuẫn giữa các thành phần kinh tế.....	115
2. Xã hội hoá sản xuất- xu hướng vận động cơ bản của nền kinh tế trong thời kỳ quá độ.....	116
2.1. Khái niệm và nội dung xã hội hoá sản xuất trên thực tế.....	116
2.2. Xã hội hoá sản xuất và xu hướng vận động cơ bản của sự phát triển kinh tế trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở nước ta.....	118
2.3. Tiêu chuẩn đánh giá sự đúng đắn của quá trình xã hội hoá sản xuất.....	118
Chương 7: Xây dựng cơ sở vật chất- kỹ thuật trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.....	119
1. Con đường xây dựng cơ sở vật chất- kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội.....	119
1.1. Cơ sở vật chất- kỹ thuật của một phương thức sản xuất.....	119
1.2. Con đường xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.....	120
2. Nội dung của công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta trong thời kỳ quá độ.....	122
2.1. Đẩy mạnh cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật để trang bị kỹ thuật hiện đại cho nền kinh tế quốc dân.....	122
2.2. Xây dựng cơ cấu kinh tế và phân công lại lao động xã hội.....	123
2.3. Nội dung công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta từ nay đến năm	

2010.....	125
Chương 8: Cơ chế kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.....	127
1. Khái niệm cơ chế kinh tế.....	127
2. Sự cần thiết khách quan phải chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước ở nước ta.....	128
3. Cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.....	129
3.1. Cơ chế thị trường.....	129
3.2. Sự quản lý của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường.....	133
4. Vai trò kinh tế của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.....	134
4.1. Những điểm chung và khác biệt cơ bản giữa vai trò kinh tế của Nhà nước Việt Nam và vai trò kinh tế của Nhà nước tư sản trong quản lý nền kinh tế thị trường.....	135
4.2. Chức năng của Nhà nước Việt Nam trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.....	136
4.3. Các công cụ quản lý kinh tế của Nhà nước ta trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.....	137

GIÁO TRÌNH MÔN KINH TẾ CHÍNH TRỊ

Tên môn học: Kinh tế chính trị

Mã môn học: MH 07

Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được bố trí giảng dạy sau khi học xong các môn học chung và song song với các môn học cơ sở;

- Tính chất: Là môn học cơ sở.

- Ý nghĩa và vai trò của môn học: Kinh tế chính trị Mac-Lenin hay kinh tế chính trị học Mac-Lenin là một lý thuyết kinh tế và là môn khoa học về kinh tế chính trị do Mac, Engels và sau này là Lenin phát triển trong giai đoạn mới, có đối tượng nghiên cứu là phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và

những quan hệ sản xuất và trao đổi thích ứng với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Qua đó vạch rõ bản chất, hiện tượng của các quá trình kinh tế để có cơ sở giải quyết các mối quan hệ liên quan đến học thuyết của chủ nghĩa Mác - Lenin. Cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lenin là học thuyết giá trị thặng dư của Các Mác.

Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được các nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin đề cập về vấn đề kinh tế;
 - + Trình bày được điều kiện ra đời và các quy luật sản xuất hàng hoá;
 - + Trình bày được thực trạng và vai trò của nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay;
 - + Chỉ ra được sự vận dụng của Đảng và Nhà nước ta trong việc đề ra các quan điểm, đường lối và chính sách kinh tế trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội hiện nay.
- Về kỹ năng:
 - + Giải thích được các hiện tượng và quá trình kinh tế một cách khoa học gắn với điều kiện thực tiễn của nền kinh tế;
 - + Vận dụng cơ sở lý luận để nhận thức và học tập tốt các môn khoa học khác như: kế toán doanh nghiệp, thống kê doanh nghiệp, lao động tiền lương, tài chính... và vận dụng vào công tác cụ thể sau này.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Ủng hộ và bảo vệ lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết những vấn đề kinh tế của thực tiễn đất nước hiện nay.

Nội dung của môn học:

Chương 1: SƠ LƯỢC LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ HỌC

Mã chương: KTCT01

Giới thiệu:

Trình bày những tư tưởng kinh tế trong lịch sử và những khuynh hướng của các học thuyết kinh tế hiện đại. Giới thiệu sự ra đời và phát triển của kinh tế chính trị học Mac – Lênin.

Mục tiêu:

- Trình bày được những tư tưởng cơ bản, những lý luận tiêu biểu của mỗi học thuyết kinh tế;
- Vẽ được sơ đồ về lịch sử hình thành và phát triển Kinh tế chính trị;
- Xác định nghiên cứu của từng trường phái kinh tế;
- Nhận thức đúng đắn về kinh tế chính trị học;
- Trung thực, nghiêm túc trong nghiên cứu.

Nội dung chính:

1. Những tư tưởng kinh tế chủ yếu trong thời cổ đại và trung cổ - cơ sở cho sự ra đời của kinh tế chính trị học

1.1. Tư tưởng kinh tế thời cổ đại

1.1.1. Đặc trưng kinh tế – xã hội thời cổ đại

Thời cổ đại nói ở đây là thời kỳ thống trị của phương thức sản xuất chiếm hữu nô lệ mà Hy Lạp là điển hình. Thời kỳ này có các đặc điểm:

- Chiếm hữu về nô lệ giữ vai trò thống trị, nô lệ là đối tượng chủ yếu của sở hữu. Trong xã hội, số nô lệ nhiều hơn số dân tự do.
- Thương nghiệp và tiền tệ bắt đầu xuất hiện
- Chiến tranh dai dẳng giữa các quốc gia, các thành phố lớn nhằm chiếm đoạt nô lệ; cuộc đấu tranh giữa giai cấp nô lệ và chủ nô diễn ra khốc liệt và dai dẳng.

Những đại biểu tiêu biểu cho tư tưởng kinh tế thời cổ đại đồng thời cũng là những nhà triết học tiêu biểu của thời này. Đó là Platon (427 – 347 TCN) và Aristot (384 -322 TCN)

1.1.2. Đặc điểm tư tưởng kinh tế thời cổ đại

Tư tưởng kinh tế thời cổ đại có những đặc điểm chung sau đây:

- Coi xã hội nô lệ là tất yếu và duy nhất. Platon coi xã hội nô lệ là một “xã hội lý tưởng”. Còn Aristot thì coi xã hội đó là do giới tự nhiên sáng tạo ra, từ đó ông cho rằng điều cần quan tâm là làm thế nào để có nhiều nô lệ và sử dụng nô lệ. Ông khẳng định chiến tranh là nguồn bổ sung nô lệ; chiến tranh là không tránh khỏi, chiến tranh cướp đoạt nô lệ được Aristot coi là chiến tranh chính nghĩa.

- Coi khinh lao động chân tay, xem lao động chân tay là điều hổ thẹn và nhục nhã, làm hổng con người. Platon cho rằng cần cấm công dân Aten (kể cả nô lệ) làm nghề thủ công và chuyển giao việc này cho người nước ngoài; còn

Arixtốt thì cho rằng công dân chỉ nên tham gia chiến trận và quản lý nhà nước chứ không nên làm nghề thủ công, buôn bán hay cày ruộng. Đây là một hạn chế của tư tưởng kinh tế cổ đại.

- Lên án hoạt động thương nghiệp và cho vay nặng lãi.

Thương nghiệp ở thời cổ đại về cơ bản là mua rẻ, bán đắt, còn cho vay thì chủ yếu là cho vay nặng lãi. Platon và Arixtốt kịch liệt lên án các hoạt động này. Platon coi thương nghiệp là một tội ác, xấu xa vì nó phát triển tính chất giả dối và lừa gạt. Arixtốt coi cho vay nặng lãi xấu xa như kinh doanh nhà chứa và xấu xa hơn cả việc cướp bóc trực tiếp.

Từ đó, các ông lên án sự tồn tại và phát triển của tầng lớp quý tộc tài chính – tầng lớp mà sự giàu có của họ là do hoạt động thương nghiệp và cho vay nặng lãi mang lại. Cũng từ đó, các ông mơ tưởng một xã hội lý tưởng không có tư hữu, phê phán gay gắt sự phân hoá giàu nghèo và bần cùng trong xã hội, nhưng không chủ trương chống lại chế độ tư hữu.

- Muốn tìm hiểu bản chất các hiện tượng kinh tế, nhiều vấn đề như phân công lao động xã hội, trao đổi sản phẩm, phân biệt giá trị sử dụng với giá trị trao đổi của hàng hoá, một số chức năng của tiền, ảnh hưởng của cung cầu tới giá cả hàng hoá, đặc điểm hoạt động của thương nghiệp và cho vay... đã được các ông đề cập. Những vấn đề nêu ra chứa đựng những mầm mống thiên tài và khoa học. Chẳng hạn:

+ Về phân công lao động xã hội, Platon coi đó là cơ sở sinh ra các giai cấp và từ giai cấp mà sinh ra nhà nước. Sự trao đổi sản phẩm cũng là một tất yếu và bắt nguồn từ sự phân công lao động xã hội, là hình thức liên hệ xã hội của những người sản xuất. Ông chỉ ra sự phát sinh tiền tệ và thương nghiệp là để phục vụ nhu cầu phân công lao động xã hội.

+ Về trao đổi hàng hoá, Arixtốt nêu ra nhiều tư tưởng thiên tài. Ông là người đầu tiên phân biệt giá trị sử dụng và giá trị trao đổi của hàng hoá. Ông chia thương nghiệp thành ba loại: Thương nghiệp trao đổi (H- H), thương nghiệp hàng hoá (H-T- H); thương nghiệp kinh doanh tức là đại thương nghiệp (T-H-T) với mục đích làm giàu. Từ đó, ông chia kinh doanh làm hai loại: những hoạt động kinh tế phục vụ yêu cầu tiêu dùng, nhằm tăng giá trị sử dụng gồm thương nghiệp trao đổi và thương nghiệp hàng hoá; và thương nghiệp kinh doanh nhằm tăng khối lượng tiền. Arixtốt cũng là người đầu tiên nêu tư tưởng “nguyên tắc ngang giá” trong trao đổi. Theo ông, muốn trao đổi hàng hoá thì phải có cái gì đó bằng nhau, đồng thời giữa các hàng hoá; cái

chung đó là một số lượng tiền nhất định, tiền là “công cụ nhân tạo của trao đổi”.

+ Về nguồn gốc lợi nhuận, Arixtốt cho rằng lợi nhuận là do địa vị độc quyền mà có và cũng như lợi tức cho vay, lợi nhuận là hiện tượng không bình thường, trái quy luật.

+ Về ý nghĩa lịch sử, tư tưởng của Platon và Arixtốt có thể coi là mầm mống, là điểm xuất phát của những tư tưởng kinh tế chính trị khoa học.

1.2. Tư tưởng kinh tế thời trung cổ

Tư tưởng kinh tế thời trung cổ gắn liền với các đặc trưng thời đại phong kiến. Ở Tây Âu, từ cuối thế kỷ V tới thế kỷ XV là thời kỳ hình thành và phát triển chế độ phong kiến; từ thế kỷ XVI tới thế kỷ XVII là thời kỳ tan rã chế độ phong kiến, thời kỳ tích lũy nguyên thủy tư bản, thời kỳ ra đời của chủ nghĩa tư bản.

1.2.1. Đặc trưng kinh tế – xã hội thời trung cổ.

Thời kỳ trung cổ ngự trị trong một giai đoạn dài của lịch sử xã hội loài người. Về mặt kinh tế- xã hội, thời kỳ này có các đặc điểm:

+ Nền kinh tế về căn bản vẫn là nền kinh tế tự nhiên, kinh tế hàng hoá kém phát triển, giữ vai trò phụ thuộc. Giao lưu kinh tế kém phát triển giữa các địa phương, các vùng trong nước, đặc biệt là giữa các nước. Tính chất địa phương, phường hội và bế quan toả cảng là phổ biến.

+ Nông nghiệp là lĩnh vực chủ yếu của nền kinh tế, trong nông nghiệp, đất đai là tư liệu sản xuất chủ yếu, là đối tượng cơ bản của sở hữu; lãnh chúa là người quyết định tất cả, từ đất đai, các tư liệu sản xuất khác đến lao động, tổ chức sản xuất và phân phối sản phẩm.

+ Cuối thời trung cổ, cùng với việc tăng dân số và đi lại bớt khó khăn, bắt đầu có sự giao lưu giữa các vùng; các thị trấn mọc lên là đầu mối giao lưu giữa các vùng nông thôn. Những nông nô thoát khỏi ách thống trị của lãnh chúa trở thành tiểu thương, tiểu chủ và thợ thủ công ở các thị trấn. Đó là những người biết sản xuất, kinh doanh, tiếp thu tri thức và bắt đầu chớm nở ý niệm về giai cấp, tự do; là tiền thân của giai cấp tư sản sau này.

1.2.2. Đặc điểm tư tưởng kinh tế thời trung cổ

Các đại biểu tiêu biểu cho tư tưởng kinh tế thời trung cổ là Anbe LơGrăng, Xanh Tôma Đacanh, Râyông PăngnƠpho, Henry đờ Grăng (thế kỷ XIII), Buridan, ÔrƠxmơ (thế kỷ XIV).

Tư tưởng kinh tế thời trung cổ biểu hiện tập trung ở các luận điểm kinh tế của Xanh Tôma Đacanh (1225- 1274). Nó có các đặc điểm:

- Về *quyền tư hữu*: Quyền tư hữu được coi là thứ quyền do tạo hoá giao phó trong việc quản lý tài vật. Người có quyền sở hữu là người giàu; họ phải có trách nhiệm phân chia tài sản của mình cho người nghèo khổ, thiếu thốn.

- Về *các hoạt động kinh tế*: được phân thành hai loại; những người hoạt động trực tiếp tạo ra của cải vật chất là hoạt động rất đáng được hoan nghênh, còn những hoạt động trung gian như buôn bán, cho vay lấy lãi, hưởng lợi dựa trên kết quả lao động của người khác là hoạt động đáng chê trách, phải bị trừng phạt. Lao động được coi là phương tiện để sống chân chính, ngay thẳng, là “mệnh lệnh của thượng đế ban ra cho loài người”. Tiền công lao động phải được trả sòng phẳng vì “tình huynh đệ nhân loại”.

- Về *tiền tệ*: Vua là người độc quyền phát hành tiền đúc và ấn định lượng vàng, bạc trong mỗi đơn vị tiền đúc. Độc quyền này được coi là vương quyền. Trong thực tế, nó thường bị lạm dụng, cắt xén trọng lượng tiền và làm cho tiền mất giá dẫn tới quần chúng không còn tin vào tiền, không coi tiền là đại biểu cho giá trị nữa. Các nhà kinh tế đã phản đối những việc làm đó nhằm ngăn cản sự sụp đổ của hệ thống tiền tệ. Họ cho rằng, lương tâm của chính phủ là phải làm cho nội dung thực tế của tiền đúc sát với khuôn khổ danh nghĩa của nó; việc bớt xén trọng lượng tiền làm hỏng tiền đúc và điều này giống như việc cân đo giả mạo. Tuy nhiên, người ta coi sự xuất hiện của tiền là do ý muốn của con người và giá trị của tiền gắn với đặc tính tự nhiên của nó, tức là gắn với giá trị của vật liệu dùng để chế tạo ra tiền (vàng, bạc). Quan niệm này biểu hiện sự thụt lùi so với thời cổ đại.

- Về *địa tô*: Địa tô được coi như một khoản thu nhập của ruộng đất. Khoản thu nhập này khác thu nhập do tư bản và tiền tệ mang lại ở chỗ: ruộng đất mang lại thu nhập do giúp đỡ của tự nhiên, của “Thượng đế”, còn thu nhập từ tư bản là do sự lừa dối; ruộng đất làm cho tinh thần và đạo đức con người tốt lên. Trái lại, tư bản và tiền tệ chỉ kích thích lòng tham, gây nên tật xấu... Từ đó coi việc thu địa tô là điều hợp lý.

- Về *tư bản và lợi nhuận*: Người ta quan niệm tiền không thể đẻ ra tiền, do đó nghiêm cấm việc cho vay nặng lãi. Người cho vay nặng lãi thường bị các hình phạt nặng nề như: tịch thu tài sản, tống ra khỏi lãnh thổ... Song cũng

có một số ngoại lệ được chấp nhận như; cho thuê nhà cửa, tài sản, được phép hùn vốn kinh doanh...Việc cấm cho vay nặng lãi làm cho lãi xuất tiền vay lên cao vì số người cho vay ít. Việc cấm cho vay lấy lãi kéo dài 10 thế kỷ, song ngày càng bớt khắt khe hơn do đòi hỏi của yêu cầu phát triển kinh tế. (Vào năm 1789 nhà nước tư sản bãi bỏ việc cho vay nặng lãi)

- Về dân số: Quan niệm chung cho rằng dân số là có lợi cho sản xuất và “an ninh bờ cõi”, là hợp ý Chúa. Riêng Tôma Đacanh lại tỏ ra lo ngại về sự tăng dân số quá mức.

Tóm lại, tư tưởng kinh tế thời trung cổ phát triển theo ảnh hưởng của tôn giáo và đạo đức, tôn trọng nhân phẩm con người, khuyên con người xử sự công bằng trong các hoạt động kinh tế; biểu hiện sự ôn hoà và lương thiện.

2. Sự phát sinh, phát triển kinh tế chính trị học tư sản cổ điển

2.1. Chủ nghĩa trọng thương

2.1.1. Hoàn cảnh ra đời của chủ nghĩa trọng thương

Chủ nghĩa trọng thương là tư tưởng và chính sách kinh tế của giai cấp tư sản trong giai đoạn tan rã của chế độ phong kiến và thời kỳ tích lũy nguyên thủy của tư bản – thời kỳ phát sinh của chủ nghĩa tư bản.

Chủ nghĩa trọng thương xuất hiện trong thời kỳ kinh tế hàng hoá đã phát triển mạnh, thị trường trong nước được mở rộng, tầng lớp thương nhân tăng cường thế lực và dần dần trở thành bá chủ trong xã hội. Đây cũng là thời kỳ có những phát kiến lớn về địa lý của thế kỷ XV- XVI như: việc tìm ra châu Mỹ, đường đi vòng qua Châu Phi tới Châu á đã tạo khả năng mở rộng thị trường, xâm chiếm thuộc địa, mở ra khả năng làm giàu nhanh chóng cho các nước Tây Âu (các mỏ vàng, bạc ở Châu Mỹ được phát hiện, người bản xứ là nguồn cung cấp nô lệ, của cải ở Đông ấn Độ và ở thuộc địa...). Ở thời kỳ này, ưu thế thương nghiệp lớn hơn công nghiệp.

Đây cũng là thời kỳ phát triển mạnh mẽ của nhiều khoa học tự nhiên (cơ học, thiên văn, địa lý...) gắn liền với tên tuổi Côpécnic, Galilê..., là thời kỳ xuất hiện phong trào phục hưng chống lại tư tưởng đen tối thời kỳ trung cổ và xuất hiện tư tưởng duy vật chống lại các thuyết duy tâm của nhà thờ.

Chủ nghĩa trọng thương xuất hiện ở hầu hết các nước Tây Âu, nhưng phát triển mạnh ở các nước Anh, Pháp, Tây Ban Nha. Các đại biểu điển hình của chủ nghĩa trọng thương là: ở Pháp có Môngcrêchiêng, Cônbe, Bôđanh; ở

Anh tiêu biểu là Tô-mát Mun, Uy-liam Xtaphốt; ở Tây Ban Nha có UxtarixƠ, Unloa...

2.1.2. Những tư tưởng kinh tế chủ yếu của chủ nghĩa trọng thương

Chủ nghĩa trọng thương ở các nước có những sắc thái riêng, phản ánh đặc điểm riêng của từng nước thời bấy giờ (ở Pháp gọi là chủ nghĩa trọng thương công nghiệp, ở Anh gọi là chủ nghĩa trọng thương thương mại, còn ở Tây Ban Nha gọi là chủ nghĩa trọng thương vàng). Tuy nhiên, chủ nghĩa trọng thương đều có những tư tưởng kinh tế chung, đó là:

- Coi tiền là nội dung căn bản của của cải, là tài sản thực sự của một quốc gia. Theo họ tiền là một vị thần có thể thay hình đổi dạng có thể biến thành bất cứ thứ gì ta muốn. Vì vậy, mục đích của mỗi quốc gia chung quy là tích lũy nhiều tiền (vàng, bạc). Từ đó, họ cho rằng mục đích của mọi hoạt động kinh tế đều phải hướng vào thu hút nhiều vàng, bạc, phải dùng mọi biện pháp hữu hiệu để thu hút vàng, bạc trong nước.

- Việc thu hút vàng, bạc vào trong nước chỉ được thực hiện bằng con đường phát triển thương mại, đặc biệt là ngoại thương; nhiệm vụ chủ yếu của thương mại là xuất siêu; cấm xuất khẩu kim loại quý, thương nhân sau khi bán hàng phải mua vàng, bạc về nước; khuyến khích sản xuất cho xuất khẩu. Theo họ, trong thương mại phải có những thủ đoạn để buôn bán, làm giàu như lừa gạt, chiến tranh, bởi vì trong thương mại phải có người được, kẻ mất; dân tộc này làm giàu phải biết hy sinh lợi ích của dân tộc khác... Lợi nhuận thương nghiệp chính là kết quả của sự trao đổi không ngang giá.

- Phải sử dụng quyền lực nhà nước để phát triển kinh tế. Đa số các biện pháp mà chủ nghĩa trọng thương đề xướng đều dựa vào bạo lực và theo họ cần có quyền lực mới có thể thực hiện được: điều tiết lưu thông tiền tệ, khống chế thị trường trong nước, khuyến khích và bảo trợ các công trường thủ công, xây dựng hàng hải, thủy quân để cướp bóc thuộc địa, thực hành chiến tranh thương mại...

2.1.3. Những nhận xét về chủ nghĩa trọng thương

Trong điều kiện lịch sử của thế kỷ XV –XVII, các tư tưởng kinh tế của chủ nghĩa trọng thương là bước tiến bộ lớn so với những tư tưởng kinh tế thời kỳ trung cổ; nó khắc phục những hạn chế về tư tưởng của nền kinh tế tự nhiên, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

Chủ nghĩa trọng thương, lần đầu tiên trong lịch sử đã cố gắng nhận thức và giải thích các hiện tượng kinh tế về mặt lý luận, biết sử dụng các

phương pháp khoa học (toán học, thống kê, lịch sử...), mở ra kỷ nguyên mới cho việc nghiên cứu, nhận thức các vấn đề kinh tế trên cơ sở khoa học; nó đoạn tuyệt với các tư tưởng kinh tế thời trung cổ – giải thích các hiện tượng kinh tế trên cơ sở các quan niệm tôn giáo.

Bên cạnh những cống hiến trên, chủ nghĩa trọng thương còn những hạn chế nhất định: các thành tựu lý luận thu được còn ít ỏi, việc giải thích các vấn đề kinh tế còn đơn giản, mang nặng tính kinh nghiệm. Chủ nghĩa trọng thương mới chỉ nêu ra quy tắc, cương lĩnh dựa trên sự mô tả bên ngoài, chưa tìm ra được các quy luật phản ánh bản chất các hiện tượng kinh tế.

2.2. Kinh tế chính trị tư sản cổ điển ở Pháp – chủ nghĩa trọng nông

2.2.1. Sự xuất hiện của chủ nghĩa trọng nông ở Pháp.

Ở Pháp học thuyết kinh tế cổ điển xuất hiện dưới tên gọi: trường phái trọng nông. Do chính sách của Bộ trưởng tài chính Cônbe, nền nông nghiệp nước Pháp bị suy sụp nghiêm trọng. Nhà nước phong kiến tăng thuế nông nghiệp để trợ cấp cho các công trường thủ công. Địa tô phong kiến chiếm từ 1/4 đến 1/3 nông sản phẩm làm ra. Nông dân mắc vào cảnh túng quẫn, nợ cha truyền con nối. Thương nhân bóc lột nông dân bằng giá cả cánh kéo. Nhà thờ định thuế thập phân. Nạn đói kém kéo dài. Do vậy, nhà thơ Vonte mỉa mai rằng: “Nông dân bàn tán về lúa mỳ nhiều hơn là về thương đế”. Điều đó đòi hỏi phải có chính sách khôi phục và phát triển nông nghiệp. Trường phái trọng nông xuất hiện.

Đặc điểm chung của học thuyết kinh tế trọng nông là đã chuyển đổi tư tưởng nghiên cứu sang lĩnh vực sản xuất nông nghiệp: đánh giá cao vai trò của ngành nông nghiệp, coi đó là lĩnh vực duy nhất trong xã hội tạo ra của cải; chỉ có lao động nông nghiệp mới là lao động có ích, lao động sinh lời, vì nó tạo ra sản phẩm thuần túy cho xã hội. Vì vậy, muốn giàu có phải phát triển nông nghiệp. Đại biểu xuất sắc của phái này là F.Kêne (1694 – 1774) và A.Tuyếcgô (1727 -1781) – một bộ trưởng tài chính của Pháp.

2.2.2. Các học thuyết kinh tế chủ yếu của chủ nghĩa trọng nông

- Lý thuyết về sản phẩm thuần túy: Đây là lý thuyết trọng tâm của phái trọng nông.

Sản phẩm thuần túy là số chênh lệch giữa tổng sản phẩm và chi phí sản xuất. Đó là số dôi ra ngoài chi phí sản xuất. Sản phẩm thuần túy chỉ được tạo

ra trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, còn công nghiệp không tạo ra sản phẩm thuần túy.

Họ giải thích nguyên nhân sự việc này là do trong công nghiệp quá trình tạo ra sản phẩm chẳng qua mới là sự chế biến lại những sản phẩm của nông nghiệp, là quá trình kết hợp đơn giản những chất cũ, không nên có sự tăng lên về chất, do đó không tạo ra sản phẩm thuần túy. Ngược lại, trong nông nghiệp nhờ có sự tác động của tự nhiên nên có sự tăng lên về chất, tạo ra chất mới, tạo ra sản phẩm thuần túy. Ví dụ, khi gieo một hạt lúa xuống đồng, nó sẽ trở bông cho hàng chục hạt mới. Đó là sự tăng lên về chất. Vậy, chỉ có lĩnh vực nông nghiệp mới tạo ra sản phẩm thuần túy.

- Lý thuyết về lao động sản xuất và lao động không sinh lời

Từ lý thuyết sản phẩm thuần túy, F.Kênê đưa ra lý thuyết lao động sản xuất và lao động không sinh lời.

Lao động sản xuất là lao động tạo ra sản phẩm thuần túy. Lao động nào không tạo ra sản phẩm thuần túy là lao động không sinh lời. Như vậy, chỉ có lao động nông nghiệp tạo ra sản phẩm thuần túy, nên nó là lao động sản xuất. Còn lao động công nghiệp là lao động không sinh lời. Tuy nhiên, ông không coi lao động công nghiệp là ăn bám vào nông nghiệp.

- Lý thuyết về giai cấp

Từ lý thuyết sản phẩm thuần túy F.Kênê đưa ra lý thuyết về giai cấp.

Ông chia xã hội thành ba giai cấp: giai cấp sản xuất ra sản phẩm thuần túy, giai cấp không sản xuất và giai cấp sở hữu, tức là những người chủ ruộng đất, nhờ đó họ chiếm hữu sản phẩm thuần túy tạo ra.

Về sau A.tuyếcgô phát triển thành 5 giai cấp: Giai cấp các nhà tư bản sản xuất, giai cấp công nhân sản xuất, giai cấp các nhà tư bản không sản xuất, giai cấp công nhân không sản xuất và giai cấp sở hữu.

- Lý thuyết về tiền lương và lợi nhuận

Từ lý thuyết sản phẩm thuần túy, A.Tuyếcgô xây dựng lý thuyết tiền lương và lợi nhuận ủng hộ quan điểm “quy luật sắt về tiền lương”, ông cho rằng: tiền lương của công nhân phải thu hẹp ở mức tư liệu sinh hoạt tối thiểu. Nguyên nhân là ở chỗ cung lao động luôn luôn lớn hơn cầu về lao động. Vì vậy, công nhân cạnh tranh với nhau để có việc làm, nhà tư bản có điều kiện trả lương ở mức thấp tối thiểu.

Vì trả lương ở mức tối thiểu nên sản phẩm lao động của công nhân bằng tổng của tiền lương và sản phẩm thuần túy. Ở đây, tiền lương công nhân là thu nhập theo lao động còn sản phẩm thuần túy là thu nhập của nhà tư

bản, gọi là lợi nhuận. Vậy, lợi nhuận là thu nhập không lao động do công nhân làm ra.

- Lý thuyết về tư bản và tái sản xuất xã hội của F.Kênê

Chủ nghĩa trọng thương coi tư bản là tiền, còn F.Kênê coi tư bản không phải là bản thân tiền tệ, mà bằng tư liệu sản xuất mua bằng bản thân tiền tệ đó. Đó là những yếu tố vật chất đưa vào sản xuất nông nghiệp như nông cụ, súc vật cày kéo, hạt giống, tư liệu sinh hoạt của công nhân. Như vậy, tư bản là vật chất, nó tồn tại vĩnh viễn.

Trong lịch sử, F.Kênê là người đầu tiên dựa vào tính chất chu chuyển của tư bản để chia tư bản thành tư bản ứng trước đầu tiên và tư bản ứng trước hàng năm (sau này A.Tuyếcgô gọi là tư bản cố định và tư bản lưu động). Tư bản ứng trước đầu tiên là những chi phí về nông cụ, súc vật, công trình sản xuất. Tư bản ứng trước hàng năm là những chi phí về hạt giống, tiền thuê công nhân. Như vậy, sự phân chia thành tư bản cố định và tư bản lưu động chỉ có trong lĩnh vực nông nghiệp.

Một trong những cống hiến to lớn của phái trọng nông là: “Biểu kinh tế” của F.Kênê. “Biểu kinh tế” được công bố năm 1758 và phản ánh đầy đủ các quan điểm kinh tế chủ yếu của phái trọng nông.

Có nhiều ý kiến đánh giá khác nhau về ý nghĩa của “Biểu kinh tế”. C.Mác cho rằng đó là sơ đồ đại cương về tái sản xuất. Ở đây, F.Kênê nghiên cứu tái sản xuất giản đơn, kết hợp phân tích hai mặt giá trị sử dụng và giá trị: tư bản cố định chuyển hết vào sản phẩm sau một quá trình sản xuất dựa vào nguyên tắc tiền quay về điểm xuất phát, trừu tượng hoá ngoại thương.

2.2.3. Nhận xét về chủ nghĩa trọng nông

Chủ nghĩa trọng nông đã đạt được những thành tựu trong lĩnh vực phát triển tư tưởng kinh tế khoa học:

- Chuyển sự nghiên cứu từ lĩnh vực lưu thông sang sản xuất, tìm nguồn gốc của cải, nguồn gốc sự giàu có của xã hội và nguồn gốc thu nhập trong lĩnh vực sản xuất

- Quan niệm thu nhập thuần túy, tức là phần giá trị dôi ra so với chi phí sản xuất, chỉ được tạo ra trong quá trình sản xuất (nông nghiệp).

- Lưu thông không tạo ra giá trị, hàng hoá có giá trị trước khi đem trao đổi; trao đổi chỉ làm thay đổi trạng thái của giá trị.

Có thể nói, những thành tựu trên là bước nhảy vọt trong lịch sử tư tưởng kinh tế của nhân loại.